

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 444/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03/8/2018

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Anh Thư.
2. Bà Bùi Thị Thúy Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận M, Tp. Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1002/2017/HNST ngày 19/5/2017 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3159/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3549/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Linh H, sinh năm 1978.
Địa chỉ: 23 L (Phòng H), phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên hệ: 92/21/13 X, Phường H, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.
 2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1976.
Địa chỉ: 23 L (Phòng B), phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.
- Bà H có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Linh H trình bày:

Bà và Ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19, quyển số 01 ngày 15/02/2007. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc,

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 10/2015 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, lối sống. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không thành, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đã ly thân từ tháng 3/2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh Q (Nam), sinh ngày 27/7/2008 và Nguyễn Minh A (Nữ), sinh ngày 29/5/2016, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ là 3.000.000 đồng/tháng bắt đầu kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Ông Nguyễn Minh T trình bày tại bản khai và trong quá trình tố tụng:

Ông xác nhận quá trình kết hôn về mặt pháp lý và tình trạng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trong thời gian chung sống như lời trình bày của Bà H là đúng. Đối với yêu cầu ly hôn của Bà H, ông đồng ý vì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh Q (Nam), sinh ngày 27/7/2008 và Nguyễn Minh A (Nữ), sinh ngày 29/5/2016, ông đồng ý giao hai con cho Bà H nuôi dưỡng. Đối với yêu cầu của Bà H về việc yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi, do ông đang thất nghiệp nên ông không có khả năng, vì vậy ông đề nghị được cấp dưỡng nuôi hai con là 1.000.000 đồng/tháng bắt đầu kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tiến hành tố tụng, ngày 30/3/2018 Bà H có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút lại yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa, các yêu cầu và nội dung khác trong đơn khởi kiện Bà H vẫn giữ nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Quận M, Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Linh H và Ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Ngày 05/5/2017, Bà H có đơn yêu cầu ly hôn với ông T vì cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định : “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình”. Xét mâu thuẫn giữa Bà H và ông T, qua xác minh khu phố thì trong thời gian sinh sống vợ chồng Bà H thường xuyên mâu thuẫn và ông T bỏ nhà đi đâu không rõ, vợ chồng ly thân từ tháng 3/2017 đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn nhưng ông T vắng mặt, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 27/7/2008 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 29/6/2016, Bà H yêu cầu được nuôi 02 chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ lúc ông T bỏ đi 02 trẻ đều ở với Bà H, được Bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, cho học hành. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định tinh thần của trẻ, giao con cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng không thành.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Linh H và Ông Nguyễn Minh T chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn. Nay, Bà H yêu cầu ly hôn với ông T, ông T cư trú tại Quận M. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M.

- Về việc giải quyết vắng mặt đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, thời gian đầu bị đơn Ông Nguyễn Minh T có mặt tại Tòa để tham gia tố tụng và trình bày ý kiến của mình tại bản khai, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng sau đó tại các buổi làm việc tiếp theo, ông T vắng mặt không có lý do. Theo kết quả xác minh của Công an phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh ngày 03/5/2018 thể hiện: ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 23 L, phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh từ ngày 01/7/2010 đến nay nhưng không thực tế cư trú địa phương, đã bán nhà từ năm 2017, hiện không rõ địa chỉ chuyên đi. Căn cứ đơn khởi kiện, sổ hộ khẩu của bị đơn, kết quả xác minh của Công an phường B, Quận M có cơ sở xác định địa chỉ 23 L, phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, do đó Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ trên, triệu tập ông T tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do. Bà H cũng có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bà H, ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Linh H yêu cầu được ly hôn với bị đơn – Ông Nguyễn Minh T:

Bà H và ông T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19, Quyền số 01 ngày 15/02/2017 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà H và ông T là do bất đồng về quan điểm, lối sống. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hai bên đã ly thân từ tháng 3/2017 đến

nay. Hai bên xác nhận cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Bà H.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân Quận M đã gửi văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân phường B, Quận M xác minh tình trạng hôn nhân của Bà H, ông T tại địa phương. Tại Văn bản số 173/UBND ngày 27/3/2018, Ủy ban nhân dân phường B đã cung cấp các thông tin như sau: Hiện nay Bà Nguyễn Thị Linh H và Ông Nguyễn Minh T không chung sống với nhau, nhà đã bán vào năm 2017, ông T đi đâu không rõ, bà H đang tạm trú tại số 92/21/13 X, Phường H, quận B. Trong thời gian sinh sống tại địa phương, gia đình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 3/2017, ông T và Bà H sống ly thân.

Từ những chứng cứ nêu trên đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà H.

+ *Về con chung:*

Có 02 con chung tên Nguyễn Minh Q (Nam), sinh ngày 27/7/2008 và Nguyễn Minh A (Nữ), sinh ngày 29/5/2016, quá trình giải quyết vụ án hai bên thỏa thuận giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi trẻ 3.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Do trẻ Nguyễn Minh Q (Nam) sinh ngày 27/7/2008 trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến của trẻ, bản thân trẻ cũng có nguyện vọng được mẹ nuôi dưỡng để được chăm sóc và học tập tốt hơn.

Xét thỏa thuận của hai bên thống nhất về việc giao 02 con chung cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ và phù hợp với quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của Bà H, ông T chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tròn 18 tuổi vì bản thân ông đang thất nghiệp.

Tuy nhiên vào ngày 30/3/2018, Bà H có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, rút lại yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa do đó Tòa án không xét và ghi nhận sự tự nguyện của Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung:* Hai bên khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung:* Hai bên khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. *Về án phí tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

Về yêu cầu ly hôn: Bà H phải chịu theo luật định.

[4]. *Về quyền kháng cáo:*

Các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/7/2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Thị Linh H được ly hôn với Ông Nguyễn Minh T.

Quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Linh H và Ông Nguyễn Minh T theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19, quyền số 01 được Ủy ban nhân dân phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 15/02/2017 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Hai bên thỏa thuận giao 02 con chung tên Nguyễn Minh Q (Nam), sinh ngày 27/7/2008 và Nguyễn Minh A (Nữ), sinh ngày 29/5/2016 cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Minh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Vì quyền lợi của con, khi cần thiết hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình:

Bà Nguyễn Thị Linh H phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0019587 ngày 19/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M, Tp. Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Linh H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Linh H, Ông Nguyễn Minh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Q.M;
- CC THADS Q.M;
- Các đương sự;
- UBND P. B, Q.M;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Hiền